

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục Tiểu học thực tế, năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	172	45	47	39	22	19
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	172	45	47	39	22	19
III	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện						
1	Tốt (số lượng, tỉ lệ)	147	40 (89%)	40 (85%)	35 (90%)	17 (77,3%)	15 (79%)
2	Đạt (số lượng, tỉ lệ)	25	5 (11%)	7 (15%)	4 (10%)	5 (22,7%)	4 (21%)
3	Cần cố gắng (số lượng, tỉ lệ)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành xuất sắc (số lượng, tỉ lệ)	87	26 (57,8%)	31 (66%)	20 (51,3%)	7 (32%)	3 (15,8%)
2	Hoàn thành tốt (số lượng, tỉ lệ)	32	1 (2,2%)	8 (17%)	4 (10,3%)	10 (45,5%)	9 (47,4%)
3	Hoàn thành (số lượng, tỉ lệ)	53	18 (40%)	8 (17%)	15 (38,5%)	5 (22,5%)	7 (36,8%)
4	Chưa hoàn thành (số lượng, tỉ lệ)	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	172	45 (100%)	47 (100%)	39 (100%)	22 (100%)	19 (100%)
a	HS khen thưởng cấp trường(%)	87	26 (57,8%)	31 (66%)	20 (51,3%)	7 (32%)	3 (15,8%)
b	HS được cấp trên khen thưởng(%)	0	0	0	0	0	0
2	HS ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
VI	Học sinh tham gia các kì thi, sân chơi đạt giải (Số lượng, tỉ lệ)						

1.	Cấp khu vực, quốc tế	13		5	3	4	1
2	Cấp Quốc gia	60	7	20	17	14	2
3	Cấp Thành phố	12	1	1	5	3	2
4	Cấp phường	16	3	1	5	6	1
VII	Số học sinh nữ	85	19	27	19	10	10
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	01	0	01	0	0	0

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 7 năm 2026
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Tuyết

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường

Khối THCS, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	40	12	11	11	6
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	40	12 (100%)	11 (100%)	11 (100%)	6 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	32	11 (92%)	7 (58,3%)	10 (91%)	5 (83,3%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	8	1 (8%)	5 (41,7%)	1 (9%)	1 (16,7%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	40	12 (100%)	11 (100%)	11 (100%)	6 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	9	3 (25%)	1 (9,1%)	4 (36,4%)	1 (17%)
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	23	8 (67%)	5 (45,5%)	6 (55%)	4 (67%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi, năng khiếu					
1	Cấp phường	2	0	1	1	0
2	Cấp thành phố	3	0	0	0	3
V	Học sinh tham gia các kỳ thi, sân chơi đạt giải (Số lượng, tỉ lệ)					
1.	Cấp khu vực, quốc tế	6	2	1	3	0
2	Cấp Quốc gia	21	8	2	9	2
3	Cấp Thành phố	8	6	0	2	0
4	Cấp phường	8	5	1	2	0
VI	Số học sinh dự xét tốt nghiệp THCS	6	0	0	0	6
VII	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS	6	0	0	0	6 100%

1	Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
2	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5	0	0	0	5 (83,3%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	0	1 (16,7%)
VII	Số học sinh thi đỗ lớp 10	6	0	0	0	6 100%
VIII	Số học sinh nữ	24	8	5	8	3
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 7 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Tuyết

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường
Khối THPT, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	55	0	20	35
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	52	0	17 (85%)	35 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	3	0	3 (15%)	0
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	39	0	13 (65%)	26 (74,3%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	16	0	7 (35%)	9 (25,7%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	55	0	20 (100%)	35 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	13	0	4 (20%)	9 (26%)
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	24	0	9 (45%)	15 (43%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/ thành phố	3	0	0	3
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	35	0	0	35
VI	Số học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp	35	0	0	35 100%
VII	Số học sinh đủ điều kiện vào đại học	30	0	0	30 86%
VIII	Số học sinh đủ điều kiện vào đại học, cao đẳng	35	0	0	35 100%

IX	Số học sinh nữ	26	0	7	19
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 7 năm 2026
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Tuyết